TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 459/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/4/2023.
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Vân.
2/ Ông Võ Văn Dương.
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1525/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1983. (có mặt)
Thường trú: thôn H, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
- *Bị đơn*: Ông Phan Thanh Tr, sinh năm 1985; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Nh trình bày:

Bà và ông Phan Thanh Tr tìm hiểu nhau một thời gian khoảng 04 năm thì tự nguyện cưới nhau, cưới nhau năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống cùng nhà với cha mẹ chồng, chung sống hạnh phúc đến khi con tôi được 07 tuổi thì xảy ra mâu thuẫn với mẹ chồng về tài chính,… nên hai vợ chồng thường xuyên cải vả và bà đã bỏ về quê ở, sau đó bà đi hợp tác lao động ở Đu Bai một năm thì quây về. Từ đó cho đến nay gần 08 năm hai vợ chồng bà không qua lại nữa. Bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Thanh Tr.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Lê Duy Kh, sinh ngày: 14/7/2008. Giao con chung cho ông Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có.
Nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu, khai sinh con (sao y).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nh được ly hôn với ông Tr; Con chung: ông Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Bà Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có; Về án phí bà Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Tr vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Nh và ông Phan Thanh Tr tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 268, quyển số 01, ngày 01/10/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Nh xin ly hôn với ông Tr là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà Nh thì mâu thuẫn giữa bà với ông Tr là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân do ông Tr nghe lời mẹ ruột, không quan tâm đến bà, coi thường bà,…và hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau đến nay gần 08 năm. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Nh và ông Tr không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không

đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Lê Duy Kh, sinh ngày: 14/7/2008. Hiện trẻ đang ở với cha là ông Tr; Bà Nh không yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và trẻ Kh có nguyện vọng ở với ba. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao con chung cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ông Tr không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, bà Nh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Nh về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nh xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nh xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Nh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Nh được ly hôn với ông Phan Thanh Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 268, quyển số 01, ngày 01/10/2007 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nh và ông Tr không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Lê Duy Kh, sinh ngy: 14/7/2008. Bà Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày ông Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nh chưa thi hành cấp dưỡng số tiền trên, thì hàng tháng bà Nh còn phải trả cho ông Tr số tiền lãi do chậm thực hiện hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bà Nh lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Tr có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Nh.

3. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Lê Thị Nh phải nộp; Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Lê Thị Nh phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2022/0019983 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Sau khi cấn trừ, bà Nh còn phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hùng Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA